

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và bà Phan Thị Hồng Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

2. Bị đơn: Anh Trần Đình V, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, Phú Yên

Chị T có mặt, anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề 27/5/2020 và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T trình bày:

Chị Huỳnh Thị Kim T và anh Trần Đình V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2016 tại UBND thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T sống tại nhà mẹ của anh V tại khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi chị T sinh cháu T1 hơn 01 tuổi thì vợ chồng đến Gia Lai để làm việc, sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn cãi vã, anh V thường xuyên đánh đập chị T. Trong cuộc sống gia đình thiếu thốn tiền bạc, không ổn định nên chị T cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa. Chị T và anh V đã không sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Khi chị T gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án có liên hệ anh V để giải quyết nhưng

anh V nói tòa án tự giải quyết chứ anh V không về. Chị T và anh V hiện tại không còn tình cảm với nhau nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Huỳnh Anh T1, sinh ngày 13/10/2014, hiện cháu T1 do mẹ của anh V là bà Võ Thị B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu anh Trần Đình V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Huỳnh Anh T1. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tuy An nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim T và anh Trần Đình V tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn ngày 26/10/2016 tại UBND thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và khó khăn về kinh tế nên xảy ra kinh cãi và từ năm 2017 đến nay không còn sống chung. Chị T có liên hệ với anh V nhưng anh V không về giải quyết ly hôn.

Anh V vắng mặt tại phiên tòa, nên phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh V là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho chị T được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận vợ chồng có 01 con chung Trần Huỳnh Anh T1, sinh ngày 13/10/2014 (Giới tính: Nữ), hiện cháu T1 do mẹ của anh V là bà Võ Thị B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T giao anh V tiếp tục nuôi con chung và chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ nên chấp nhận giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T là cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với anh Trần Đình V.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Huỳnh Anh T1, sinh ngày 13/10/2014 (Giới tính: Nữ) cho anh Trần Đình V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu T1 hiện đang sống với mẹ của anh V là bà Võ Thị B).

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Kim T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004344 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, nên còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND thị trấn Chí Thạnh, H. Tuy An;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Tùng